

# MÔ HÌNH DẠY HỌC CẢ NGÀY - TÍNH BỀN VỮNG VÀ SỰ LAN TỎA

NGÔ QUANG QUẾ\*

Ngày nhận bài: 02/06/2016; ngày sửa chữa: 03/03/2016; ngày duyệt đăng: 03/06/2016

**Abstract:** The article introduces full day schooling models piloted by SEQAP (School education quality assurance programme) in terms of teaching materials supply, teaching methods innovation, extra-curriculum activities organization, etc. Some initial achievements are recognized by localities and social community. However implementation of full day schooling is facing many difficulties. Therefore the article proposes recommendations to improve quality of full day education at schools.

**Keywords:** Full day schooling model, sustainability and pervasion, SEQAP.

**C**hiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ đã chỉ rõ: “Đến năm 2020, 90% các trường tiểu học tổ chức dạy học hai buổi/ngày”. Trong thời gian qua, mô hình dạy học cả ngày (FDS) đã có sự chuyển biến quan trọng trong nhận thức xã hội và sự phát triển mạnh mẽ về quy mô, số lượng học sinh (HS) và trường lớp. Thống kê số liệu năm 2012 của Bộ GD-ĐT như sau (xem bảng 1):

Tuy nhiên, đến nay FDS chưa được chỉ đạo một cách đầy đủ, toàn diện và đồng bộ, chưa có một chương trình riêng, phù hợp và đáp ứng các yêu cầu thực tế của nó.

Chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học (SEQAP) được Bộ GD-ĐT phê duyệt tại Quyết định số 12/QĐ-BGDĐT ngày 04/01/2010. Mục tiêu của SEQAP là nâng cao chất lượng Giáo dục tiểu học (GDTH) ở Việt Nam, giảm bất công bằng trong kết quả đầu ra, tăng chu trình hoàn thành GDTH của HS bằng cách chuyển sang mô hình FDS với sự hỗ trợ của Chính

phủ cho các nhóm bị thiệt thòi. Mục tiêu dài hạn của SEQAP là tạo nền tảng để thực hiện FDS trong các trường tiểu học trên khắp cả nước vào năm 2020. Các mục tiêu ngắn hạn của SEQAP là xây dựng khung chính sách cho mô hình FDS, thử nghiệm và áp dụng mô hình FDS cho 36 tỉnh đã được chọn và tạo ra các điều kiện thuận lợi cho tiến trình chuyển sang mô hình FDS trên toàn quốc.

Dạy học cả ngày nhằm tăng thêm thời gian học tập - hoạt động bằng cách tổ chức học tập và hoạt động cả ngày ở trường. Theo đó, các hoạt động giáo dục diễn ra từ đầu buổi sáng đến cuối buổi chiều với một kế hoạch, thời khóa biểu thống nhất là một chỉnh thể (từ tiết 1-7/8) không phân biệt buổi 1 và buổi 2. Thời khóa biểu các môn học chính khóa được bố trí, đan xen với các nội dung/hoạt động giáo dục trong thời gian tăng thêm một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi trường tiểu học.

\* Chuyên gia tư vấn SEQAP

*Bảng 1. Thống kê số lượng HS học 2 buổi/ngày ở các vùng miền*

Vùng	Chỉ số	Tổng số
Miền núi phía Bắc	Tổng số HS	1.033.402
	HS học 2 buổi/ngày	539.374
	Tỉ lệ	52,19
Đồng bằng Sông Hồng	Tổng số HS	724.855
	HS học 2 buổi/ngày	632.562
	Tỉ lệ	87,27
Bắc Trung Bộ	Tổng số HS	786.948
	HS học 2 buổi/ngày	580.046
	Tỉ lệ	73,71
Nam trung Bộ và Tây Nguyên	Tổng số HS	1.043.884
	HS học 2 buổi/ngày	385.315
	Tỉ lệ	36,91
Đông Nam Bộ	Tổng số HS	739.443
	HS học 2 buổi/ngày	265.726
	Tỉ lệ	35,94
Sông Cửu Long	Tổng số HS	387.120
	HS học 2 buổi/ngày	432.189
	Tỉ lệ	31,16
Tỉnh/Thành TW	Tổng số HS	1.198.743
	HS học 2 buổi/ngày	877.008
	Tỉ lệ	73,16
Toàn quốc	Tổng số HS	6.914.395
	HS học 2 buổi/ngày	3.712.220
	Tỉ lệ	53,69

**1. Mô hình FDS.** Để thực hiện FDS, SEQAP phát triển Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT nhằm mở rộng chương trình GDTH đáp ứng yêu cầu của FDS.

Cấu trúc chương trình mở rộng:

**Quy ước:** C: Chương trình học hiện tại (theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT); C1: củng cố kiến thức, kĩ năng môn *Toán, Tiếng Việt* (đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng môn học) và tăng cường kĩ năng giao tiếp Tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số ; C2: Giới thiệu một môn học tự chọn (*Tin học hoặc Ngoại ngữ*); C3: Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp;

**Các phương án FDS:** - *Phương án T30:* C+C1 hoặc C+C1+C2 hoặc C+C1+C3 có khoảng 2-3 ngày dạy cả ngày (7-8 buổi/tuần), còn lại học nửa ngày; - *Phương án T35:* C+C1+C2+C3 khoảng 4-5 ngày dạy cả ngày (9-10 buổi/tuần); - *Phương án T35* là mục đích cuối cùng của mô hình FDS. Phương án T30 dành cho các trường tiểu học còn khó khăn, chưa đủ điều kiện về đội ngũ và cơ sở vật chất để thực hiện phương án T35.

**2. Kết quả đạt được sau 5 năm triển khai mô hình FDS**

**2.1. Về triển khai mô hình**

Đến cuối năm học 2014-2015:

- SEQAP có 1.628 trường/284 huyện, với

4.977 điểm trường, 27.243 lớp, 668 trường thuộc xã khó khăn (41,03%) tham gia FDS; trong đó có 764 trường thực hiện phương án T35 (9-10 buổi/tuần), chiếm tỉ lệ 46,9% (vượt so với kế hoạch 31,9%); 864 trường thực hiện phương án T30 (7- 8 buổi/tuần).

- Có 1.345 trường đạt 100% HS được học cả ngày (chiếm 82,6%); 273 trường còn lại (chủ yếu thuộc các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long), do vẫn còn một vài điểm trường lẻ khó khăn, thiếu phòng học, xa điểm trường chính, ít HS nên chưa tổ chức được cho HS. Các điểm trường này đang được các địa phương xem xét, xây dựng kế hoạch từng bước điều chỉnh, nhập vào các điểm trường khác để tổ chức dạy cả ngày cho các em.

- Có 634.898 HS, trong đó có 277.997 HS dân tộc thiểu số (44%); 313.346 HS nữ (49,2%).

- Có 589.050 HS học cả ngày (chiếm 92,7%); còn 45.848 HS chưa được học cả ngày (khoảng 7,3%); có 264.115 HS dân tộc thiểu số học cả ngày (chiếm 44,8% tổng

số HS học cả ngày và chiếm 95% tổng số HS dân tộc thiểu số toàn SEQAP).

Đầu năm học 2015-2016, SEQAP có 1.628 trường, 4.731 điểm trường, 39.200 giáo viên (GV), 7.071 GV chuyên, có 28.531 lớp, 662.143 HS, trong đó có 319.641 HS nữ (chiếm 48,3%), 293.136 HS dân tộc thiểu số (chiếm 44,3%).

Có 649.594 HS, trong đó có 610.999 HS học cả ngày (chiếm 94,0%), có 431 HS dân tộc thiểu số (chiếm 88% tổng số HS dân tộc thiểu số). Có 1.108 trường thực hiện phương án T35 (chiếm 68,1%), vượt xa so với kế hoạch ban đầu là 15%.

So sánh số liệu trường 100% HS học cả ngày giữa các năm học 2013-2014, 2014-2015 và 2015-2016 (bảng 2) cho thấy, FDS đã và đang được phát triển một cách mạnh mẽ và vững chắc trong các trường tiểu học của các địa phương tham gia SEQAP. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng các địa phương, các nhà trường đã có nhiều cố gắng, tìm các giải pháp thích hợp để tổ chức FDS cho tất cả HS.

**Bảng 2. So sánh số liệu trường 100% HS học cả ngày giữa các năm học**

Vùng	Trường SEQAP								
	2013-2014			2014-2015			2015-2016		
	Tổng số	100% DHCN	Tỉ lệ	Tổng số	100% DHCN	Tỉ lệ	Tổng số	100% DHCN	Tỉ lệ
I	229	124	54,1	229	228	99,5	229	228	99,5
II	239	230	96,2	239	239	100	239	239	100
III	321	274	85,0	321	274	85,00	321	295	91,0
IV	293	228	77,8	293	217	74,1	293	232	79,2
V	264	196	74,2	264	204	77,2	264	217	82,2
VI	282	162	57,4	282	183	64,89	282	196	69,5
Tổng số	1628	1214	74,6	1628	1345	82,6	1628	1407	86,4

## 2.2. Về xây dựng tài liệu.

Để tổ chức thực hiện hiệu quả FDS, trong thời gian vừa qua, SEQAP đã tổ chức biên soạn nhiều tài liệu nhằm hỗ trợ HS các vùng khó khăn học cả ngày. Trong đó, mục tiêu chú trọng hướng tới đáp ứng các nhu cầu, năng lực cho HS dân tộc thiểu số.

Các tài liệu do SEQAP xây dựng là: - Tài liệu hỗ trợ GV và HS nhằm

*nâng cao chất lượng dạy và học môn Tiếng Việt và môn Toán, gồm: + Dạy học đảm bảo chất lượng môn Tiếng Việt (từ lớp 1-5); + Dạy học đảm bảo chất lượng môn Toán (từ lớp 1-5); + Bài tập củng cố kiến thức, kĩ năng môn Tiếng Việt (từ lớp 1-5); + Bài tập củng cố kiến thức, kĩ năng môn Toán (từ lớp 1-5); + Tăng cường kĩ năng giao tiếp Tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số. - Tài liệu hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện FDS, gồm: + Hoạt động giáo dục âm nhạc trong trường tiểu học; + Hoạt động giáo dục kĩ thuật trong trường tiểu học; + Hoạt động giáo dục thể chất trong trường tiểu học; + Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp trong trường tiểu học; + Tổ chức câu lạc bộ HS trong trường tiểu học. - Tài liệu hỗ trợ triển khai FDS: + Mô hình trường tiểu học FDS và lộ trình chuyển đổi; + Sổ tay Hướng dẫn lập kế hoạch; + Hướng dẫn sư phạm xây dựng nội dung chương trình và thời khóa biểu; + Quản lí hoạt động dạy học ở trường tiểu học.*



*Học sinh Trường Tiểu học Thạch Lương - Văn Chấn - Yên Bái trong giờ ngủ trưa*

Hiệu quả và tác dụng của các tài liệu SEQAP trong tổ chức dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục đã được các địa phương đánh giá cao. Các ý kiến khẳng định tài liệu SEQAP rất cần thiết đối với các GV và HS; tài liệu trình bày rõ ràng, dễ hiểu, dễ sử dụng, phù hợp với thực tế dạy học, giúp GV hiểu, vận dụng được các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS của các nhà trường. Đặc biệt, hệ thống các bài tập môn *Tiếng Việt, Toán* là nguồn tư liệu thiết thực, phục vụ đắc lực cho GV, HS, là cơ sở giúp GV lựa chọn, điều chỉnh vận dụng vào thực tế dạy học của lớp, trường. Các tài liệu là nguồn tham khảo tốt cho cả các trường ngoài SEQAP.

**2.3. Chất lượng FDS.** Chất lượng giáo dục của các nhà trường là một mục tiêu quan trọng mà SEQAP hướng tới. Để đạt được mục tiêu này, trong thời gian qua SEQAP đã tập trung chỉ đạo các nhà trường

thực hiện một cách toàn diện trên cơ sở các trọng tâm sư phạm sau:

*2.3.1. Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động và lập kế hoạch tổ chức thực hiện FDS:*

- Việc lập kế hoạch FDS nói chung và tích hợp kế hoạch FDS vào kế hoạch năm học nói riêng của các trường tiểu học tham gia SEQAP đã trở thành một hoạt động nền nếp, đáp ứng hiệu quả nhu cầu và thực tiễn nhà trường. Xây dựng kế hoạch giáo dục và thời khóa biểu FDS là một chỉnh thể trên cơ sở phù hợp với yêu cầu thực tế của nhà trường và địa phương đã trở thành quan điểm nhất quán trong chỉ đạo và tổ chức các hoạt động giáo dục của các nhà trường. Thực tiễn kết quả và chất lượng dạy và học cho thấy, SEQAP đã chỉ đạo đúng hướng.

- Các trường thực hiện phương án dạy học T30 (7-8 buổi/tuần, tương đương 30-33 tiết/tuần) đã sử dụng hiệu quả thời gian tăng thêm để củng cố kiến thức và kỹ năng các môn Tiếng Việt và Toán, hỗ trợ HS đạt chuẩn môn học. Đồng thời, bố trí thời gian cho các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động câu lạc bộ cho HS phù hợp với điều kiện nhà trường.

- Các trường thực hiện phương án dạy học T35 (tương đương 9-10 buổi/tuần) cùng với việc củng cố kiến thức và kỹ năng các môn *Tiếng Việt* và *Toán*, hỗ trợ HS đạt chuẩn môn học, còn tổ chức cho HS học các môn ngoại ngữ, tin học, các hoạt động giáo dục tự chọn và tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo một cách hợp lý; tổ chức triển khai các hoạt động câu lạc bộ cho HS phù hợp với điều kiện nhà trường.

*2.3.2. Thực hiện đổi mới phương pháp và kỹ thuật dạy học; Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng lấy HS làm trung tâm, đẩy mạnh sinh hoạt sư phạm theo chuyên đề là nội dung quan trọng trong công tác chỉ đạo*

FDS của SEQAP. Cụ thể: - Hướng dẫn và tạo điều kiện cho GV tích cực, chủ động thực hiện đổi mới phương pháp dạy học trên cơ sở vận dụng các kỹ thuật và phương pháp dạy học tích cực kết hợp với việc sử dụng các phương tiện dạy học truyền thống và hiện đại vào các bài giảng trên lớp.

- Giao quyền tự chủ cho nhà trường và GV trong việc triển khai thực hiện nội dung chương trình và kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế nhà trường.

Thực tế, công tác đổi mới phương pháp dạy học được các nhà trường chỉ đạo thực hiện một cách thường xuyên qua việc tổ chức các hoạt động chuyên môn tổ, khối lớp. Đội ngũ GV đã vận dụng được các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào giảng dạy phù hợp với từng môn học và các đối tượng HS, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục trong các nhà trường; tăng cường và nâng cao chất lượng các hoạt động dự giờ, đổi mới sinh hoạt chuyên môn (tổ, nhóm và toàn trường) theo hướng lấy HS làm trung tâm. GV tiến hành sinh hoạt chuyên đề, trao đổi, rút kinh nghiệm, giao lưu học hỏi lẫn nhau nhằm nâng cao chất lượng các bài giảng; tổ chức triển khai sinh hoạt sư phạm theo chuyên đề một cách linh hoạt, chủ động trên cơ sở khai thác các vấn đề, đơn vị kiến thức nổi cộm trong chương trình, sách giáo khoa các môn học... nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của GV và chất lượng học tập của HS. Thực tế cho thấy, các trường đã xây dựng được kế hoạch thao giảng, hội giảng, chuyên đề, dự giờ... từng học kỳ và cả năm, có lịch hoạt động cụ thể từng tháng. Các trường đã dành thời gian thích đáng cho GV nghiên cứu các đĩa hình để nâng cao chất lượng việc học tập và vận dụng những phương pháp và kỹ thuật dạy học mới vào các bài giảng thực tiễn. Nhà trường đã tổ chức có hiệu quả các buổi sinh

hoạt sư phạm theo chuyên đề trên cơ sở phân tích kế hoạch bài học theo các mạch kiến thức mỗi môn học.

- Tổ chức, hướng dẫn HS xây dựng các góc học tập, góc sưu tầm môn học giúp các em tự học, tự tìm tòi, khám phá kiến thức và vận dụng vào việc học các môn học.

**2.3.3. Thực hiện các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong các trường tiểu học là một điểm nhấn quan trọng trong các hoạt động giáo dục của HS trường tiểu học FDS.** Các nhà trường được hướng dẫn tổ chức, triển khai các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và tổ chức các hoạt động giáo dục khác trên cơ sở tích hợp các hoạt động giáo dục âm nhạc, hoạt động giáo dục mỹ thuật và hoạt động giáo dục thể chất làm cho nội dung, hình thức các hoạt động giáo dục trải nghiệm và sáng tạo trở nên đa dạng, phong phú, hấp dẫn và đáp ứng được nhu cầu khám phá, sáng tạo của HS.

Năm học 2014-2015, SEQAP đã hướng dẫn các trường đẩy mạnh việc tổ chức triển khai các mô hình thư viện thân thiện, thư viện xanh, thư viện đa chức năng vào giờ ra chơi, tổ chức ngày hội đọc sách, ngày hội ẩm thực, tài năng âm nhạc,... Cùng với việc tạo điều kiện cho HS sử dụng thư viện của nhà trường, SEQAP còn khuyến khích mỗi lớp xây dựng tủ sách dùng riêng để phục vụ nhu cầu đọc của HS phù hợp với thực tế và nhu cầu nhà trường. Các trường tiểu học dạy học cả ngày đã đẩy mạnh triển khai các loại hình câu lạc bộ HS, trong đó chú trọng loại hình câu lạc bộ *Em yêu khoa học, Tìm hiểu khoa học, Khám phá thế giới xung quanh*,... với mục tiêu giúp HS làm quen với cách học mới, tham gia vào thực nghiệm để tìm tòi, sáng tạo. Các hoạt động sáng tạo đã phát triển hứng thú cho HS trong quá trình học tập. Thực tế nhiều trường đã và đang tổ chức được nhiều loại hình

câu lạc bộ, như: *Câu lạc bộ Họa mi, Toán tuổi thơ, Chúng em nói tiếng Anh, Thể dục thể thao, Họa sĩ trẻ, Âm nhạc, Các sân chơi hội vui học tập, giao lưu em yêu làn điệu dân ca, cờ vua, võ nhất nam, múa xoè...* Các câu lạc bộ hoạt động thường xuyên, khá hiệu quả. Các đơn vị đã gửi nhiều videoclip về các hoạt động trên về Bộ nhằm khẳng định hiệu quả và tác dụng thiết thực của các hoạt động này.

- Nâng cao khả năng học tập tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số (Lớp 1, 2) bằng việc thực hiện tăng cường kĩ năng giao tiếp tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số; tích hợp rèn luyện, nâng cao kĩ năng nghe nói tiếng Việt thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa, tổ chức các trò chơi học tập, các hoạt động giao lưu văn hóa, làm truyện tranh, cây từ vựng, thi kể chuyện, giao lưu "Tiếng Việt của chúng em" và tích hợp vào các môn học khác.

- Các trường đã tổ chức được hoạt động giáo dục vào các buổi trưa những ngày học cả ngày cho HS. Hoạt động tại thư viện nhà trường như đọc sách, xem phim thiếu nhi, phim hoạt hình, chơi cờ vua, cờ tướng; chơi các trò chơi tập thể, trò chơi dân gian. Từng bước hình thành, rèn luyện và phát triển các kĩ năng sống cơ bản, cần thiết cho HS.

**2.4. Kết quả học tập.** Năm học 2014-2015 có 634.898 HS, trong đó có 277.997 HS dân tộc thiểu số (chiếm 44%); có 589.050 HS được học cả ngày (chiếm 92,7%), trong đó có 264.115 HS dân tộc thiểu số (chiếm 44,8%). Cụ thể:

- Có 631.216 HS đạt về phổ cập (99,4%), có 566.220 HS đạt về phổ cập (96,1%), trong đó có 261.759 HS dân tộc thiểu số (chiếm 94,1% tổng số HS dân tộc thiểu số); đạt tỉ lệ 99,1% tổng số HS dân tộc thiểu số tham gia FDS.

- Có 627.894 HS đạt về năng lực (chiếm 99,0%), có 580.732 HS đạt về năng lực (chiếm 98,6% tổng số HS), trong đó có 258.565 HS dân tộc (chiếm tỉ lệ 93,0% số HS dân tộc); đạt tỉ lệ 98,8% so với tổng số HS dân tộc học cả ngày.

- Có 624.128 HS xếp loại hoàn thành môn *Tiếng Việt* (chiếm 98,3%). Có 580.732 HS được học cả ngày (chiếm 98,5% số HS), trong đó có 251.602 HS dân tộc (chiếm 90,5% số HS dân tộc), đạt tỉ lệ 95,1% so với tổng số HS dân tộc học cả ngày.

- Có 625.231 HS xếp loại hoàn thành môn *Toán* đạt (đạt 98,5%). Có 578.366 HS FDS (chiếm 98,1% số HS), trong đó có 256.889 HS dân tộc, đạt tỉ lệ 92,4% số HS dân tộc, đạt tỉ lệ 97,3% TS HS dân tộc học cả ngày.

Năm học 2014-2015 là năm học có lớp HS SEQAP đầu tiên hoàn thành Chương trình tiểu học (giai đoạn 2010-2015). Tỉ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học là một trong các chỉ số quan trọng đánh giá tác động của SEQAP đối với chất lượng giáo dục các trường này.

- Năm học 2014-2015 có 120.171/120.542 HS lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học, đạt tỉ lệ 99,7%; nữ đạt 99,8%; dân tộc thiểu số đạt 97,7%; HS hộ nghèo đạt 99,3%. Trong đó, HS FDS đạt 99,7% so với tổng số HS học cả ngày.

*Bảng 3. So sánh kết quả hoàn thành chương trình tiểu học của HS trường SEQAP trong 4 năm*

Năm học	Hoàn thành chương trình tiểu học (%)
2011-2012	94,6
2012-2013	99,0
2013-2014	99,4
2014-2015	99,7

*Bảng 3* cho thấy, tỉ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học của các năm học luôn tăng, năm sau cao hơn năm trước. Tỉ lệ HS

hoàn thành chương trình tiểu học của năm học 2014-2015 đạt gần 100%. Đó là một trong các kết quả khẳng định tác động tích cực của SEQAP đối với chất lượng giáo dục, khẳng định sự bền vững về chất lượng của các trường tiểu học vùng khó khăn.

Qua 5 năm triển khai thực hiện FDS, SEQAP đã từng bước đạt được những kết quả đáng khích lệ. Chất lượng giáo dục toàn diện được củng cố và phát triển vững chắc, năm sau cao hơn năm trước. Chất lượng giáo dục các trường tiểu học vùng khó thực sự khởi sắc khi được thực hiện triển khai FDS. Mô hình FDS của SEQAP được các địa phương hưởng ứng và đánh giá cao những tác động của nó đối với chất lượng giáo dục các vùng khó khăn. Các nhà trường thực sự an tâm thực hiện FDS và luôn mong muốn duy trì và tiếp tục phát triển một cách vững chắc.

### **3. Một số khó khăn, thách thức**

Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong tổ chức, triển khai FDS, nhưng vẫn còn tồn tại không ít khó khăn, thách thức: - Một bộ phận các địa phương (chủ yếu vùng Đồng bằng sông Cửu Long) chưa nhận thức sâu sắc ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của FDS đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học, do đó địa phương chưa thực sự quan tâm đầu tư tích cực, toàn diện về con người và cơ sở vật chất cho các trường triển khai FDS; - Một bộ phận các trường (chủ yếu các trường vùng sâu, vùng xa quá khó khăn) còn khó khăn, thiếu thốn về cơ sở vật chất (chủ yếu là phòng học) để thực hiện FDS; - Cơ chế chính sách của Nhà nước đối với GV và cán bộ quản lí các trường FDS chưa đồng bộ và hợp lí, do đó chưa thực sự khuyến khích đội ngũ này trong triển khai FDS.

*(Xem tiếp trang 74)*

Theo dự thảo Thông tư, hiện Bộ GD-ĐT đang định hướng định mức GV phổ thông công lập về cơ bản giữ ổn định như Thông tư liên tịch số 35. Trong đó, với các trường TH, đề xuất cụ thể: - Với những trường dạy học 1 buổi trong ngày được bố trí tối đa không quá 1,2 GV/1 lớp (giữ nguyên theo định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 35); - Với những trường dạy học 2 buổi trong ngày được bố trí tối đa không quá 1,5 GV/1 lớp (giữ nguyên theo định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 35).

Ở các trường, do chưa đủ phòng học nên có lớp phải bố trí số lượng HS vượt định mức so với quy định. Những lớp có số lượng HS nhiều gấp 1,5 lần trở lên so với quy định, nhà trường có thể kí hợp đồng bổ sung thêm GV để có tối đa 2 GV trên một lớp. Mỗi trường được bố trí 1 GV làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Như vậy, so với Thông tư liên tịch số 35, về cơ bản, định mức GV/lớp là ổn định, không thay đổi. Vấn đề đặt ra tại Thông tư sửa đổi thay thế Thông tư liên tịch số 35 là cần phải xem xét lại tổng thể nhiệm vụ của mỗi vị trí việc làm của từng cơ sở giáo dục để xây dựng khung danh mục vị trí việc làm sao cho đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, phát huy được NL, sở trường của từng người, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT trong thời kì mới. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2006). *Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Liên tịch Bộ GD-ĐT - Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.*
- [2] Chính phủ (2012). *Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 8/5/2012 Quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.*
- [3] Bộ Nội vụ (2012). *Thông tư số 14/2012/*

*TT-BNV ngày 18/12/2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP.*

[4] SEQAP (2012). *Mô hình trường tiểu học dạy học cả ngày và lộ trình chuyển đổi.*

[5] SEQAP (2012). *Áp dụng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học ở trường dạy học cả ngày.*

---

## Mô hình dạy học cả ngày...

(Tiếp theo trang 44)

### 4. Một số kiến nghị

Trên cơ sở các kinh nghiệm thực tế chỉ đạo triển khai FDS trong khuôn khổ Chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học, đáp ứng yêu cầu triển khai FDS ở cấp tiểu học theo chương trình mới trên toàn quốc, SEQAP có một số kiến nghị sau: - Xây dựng và triển khai FDS với các phương án thích hợp cho các vùng miền trên cả nước; - Tổ chức FDS trên cơ sở đồng bộ với cơ chế chính sách của Nhà nước đối với đội ngũ GV và cán bộ quản lí trường tiểu học; - Nhà nước có chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa, bán trú đối với HS các gia đình hộ nghèo, vùng khó khăn nhằm đáp ứng yêu cầu FDS; - Ưu tiên đầu tư hiệu quả hơn nữa về cơ sở vật chất cho các vùng miền khó khăn để đáp ứng yêu cầu của mô hình FDS. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] SEQAP (2009). *Văn kiện Chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học.*
- [2] SEQAP (2010). *Sổ tay hướng dẫn triển khai hoạt động.*
- [3] SEQAP (2015). *Hướng dẫn sự phạm xây dựng nội dung, chương trình và thời khóa biểu dạy học cả ngày.*
- [4] SEQAP (2012). *Hỗ trợ các dự án mô phỏng tại một số tỉnh nhằm tìm ra các giải pháp cải thiện sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng khi thực hiện FDS.*
- [5] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*